

Số: **1512** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **03** tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở cụm công trình đầu mối
Dự án hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Luật liên quan đến Đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội khóa 11 và khóa 12 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 về Giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009 của Bộ phê duyệt dự án đầu tư dự án đầu tư Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La;

Xét Tờ trình số 211/TTr-BQL-TĐ ngày 11/6/2013 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở Công trình đầu mối hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La kèm theo hồ sơ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 661/XD-TĐ ngày 01/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở một số hạng mục thuộc cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1387/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009 với nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh Khoản 6, Điều 1 (Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế):

Tần suất đảm bảo tưới: P=85%.

2. Điều chỉnh Khoản 10, Điều 1 (Phương án xây dựng):

2.1. Hồ chứa: thông số kỹ thuật như Phụ lục kèm theo

2.2. Đập bê tông trọng lực:

Chiều dài đỉnh đập $L = 162,2\text{m}$.

2.3. Tràn xả lũ:

Loại tràn thực dụng, mặt cắt ngang Crigơ-Ôphixêrôp không chân không, gồm 3 cửa, với kích thước $n_x(B \times H) = 3 \times (5 \times 9,25)\text{m}$, cao độ ngưỡng $+660,0\text{m}$. Kết cấu lõi bằng BTM150 bọc ngoài bằng BTCT.

Hồ xói có kích thước đáy $L \times B = (18 \times 23)\text{m}$, cao trình đáy $+616,0\text{m}$. Mái thượng lưu $m = 3$, mái hạ lưu $m = 2$, mái bên từ cao trình $+616,0\text{m}$ đến $+627\text{m}$ $m_1 = 0,75$, từ cao trình $+627\text{m}$ trở lên $m_2 = 0,5$; gia cố mái bằng BTCT.

2.4. Cống lấy nước

Cống có nhiệm vụ cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp với lưu lượng thiết kế $Q_{tk} = 0,4 \text{ m}^3/\text{s}$. Hình thức cống ngầm chảy có áp đặt trong thân đập bê tông, cao trình ngưỡng cống $+647,20\text{m}$. Kết cấu thân cống bằng ống thép $\Phi 60\text{cm}$ bọc BTCT. Cửa vào bố trí lưới chắn rác, cửa van sửa chữa, hạ lưu bố trí van chặn trong nhà che van, phía sau van chặn có bích chờ nối ống cấp nước.

2.5. Cống xả hạ lưu

Cống có nhiệm vụ cấp nước tưới và cấp nước đảm bảo môi trường vào mùa kiệt, xả bùn cát lơ lửng vào mùa lũ và hạ thấp mức nước trong hồ khi cần thiết.

Hình thức cống ngầm chảy có áp đặt trong thân đập bê tông, lưu lượng xả cấp nước $Q_{tk} = 0,97 \text{ m}^3/\text{s}$, lưu lượng xả lớn nhất $Q_{max} = 30,89 \text{ m}^3/\text{s}$, cao trình ngưỡng cống $+647,20\text{m}$, mặt cắt ngang hình chữ nhật kích thước $B \times H = (1,5 \times 1,8)\text{m}$. Kết cấu thân cống bằng BTCT. Cửa vào bố trí lưới chắn rác, cửa van sửa chữa, cửa van vận hành.

3. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 11, Điều 1 (Thiết bị công nghệ):

3.1. Thiết bị cơ khí

- Tràn xả mặt: Cửa van cung bằng thép, kích thước $B \times H = (5 \times 9,25)\text{m}$, số lượng 03 bộ. Đóng mở cửa van cung bằng xi lanh thủy lực, tổng lực nâng 50 tấn, số lượng 03 bộ. Phai thép kích thước $B \times H = (5,0 \times 1,0)\text{m}$, số lượng 10 cái, đóng mở phai bằng xe thả phai 6 tấn.

- Cống lấy nước: Lưới chắn rác kích thước $B \times H = (1,30 \times 1,10)\text{m}$; cửa van sửa chữa $B \times H = (0,70 \times 0,85)\text{m}$, đóng mở cửa bằng máy vít chạy điện 20VĐ1; van nôm hạ lưu $\Phi 60\text{cm}$.

- Cơ khí cống xả hạ lưu: Lưới chắn rác kích thước $B \times H = (2,0 \times 3,53)\text{m}$; cửa van sửa chữa: van phẳng bằng thép, kích thước thông thủy $B \times H = (1,65 \times 2,71)\text{m}$ đóng mở bằng máy vít chạy điện 20VĐ1; cửa van vận hành: van phẳng bằng thép, kích thước thông thủy $B \times H = (1,5 \times 2,04)\text{m}$, đóng mở bằng máy vít chạy điện 20VĐ1.

3.2. Điện

Đường dây 22KV dài 130m, trạm biến áp 100 KVA-22(10)/0.4KV;

3.3. Thiết bị quan trắc

Bố trí các thiết bị phục vụ công tác quan trắc công trình đầu mối gồm: chuyên vị, thấm, nhiệt độ, ứng suất và áp lực kéo cốt thép.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh Quyết định số 1387/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009 của Bộ phê duyệt dự án đầu tư hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Sơn La. Các nội dung khác không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Kho bạc NN tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, XD (8b).

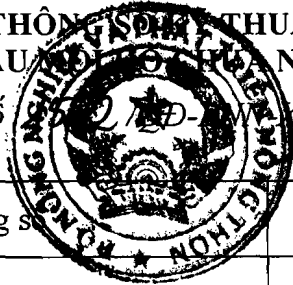


Hoàng Văn Thắng

Phụ lục

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐIỀU CHỈNH
CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NƯỚC BẢN MÒNG, TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 277/QĐ-BNN-XD ngày 03/7/2013 của Bộ NN&PTNT)



TT	Thông số	Đơn vị	1387/QĐ-BNN-XD ngày 14/5/2009	Điều chỉnh
1	Hồ chứa			
-	Mực nước dâng bình thường	m	+662,00	+662,76
-	Mực nước lũ kiểm tra (P=0,2%)	m	+667,38	+669,05
-	Mực nước lũ thiết kế (P=1%)	m	+666,26	+668,70
-	Mực nước lũ (P=5%)	m		+668,69
-	Mực nước trước lũ	m	655,30	660,00
-	Mực nước chết	m	+649,50	+649,50
-	Dung tích toàn bộ (ứng với MNDBT)	10 ⁶ m ³	10,40	10,19
-	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	8,05	8,11
-	Dung tích phòng lũ (P=5%)	10 ⁶ m ³	4,87	8,60
-	Dung tích chết	10 ⁶ m ³	2,35	2,08
2	Đập bê tông trọng lực			
	Chiều dài đỉnh đập	m	142,00	162,20
3	Tràn xả lũ			
-	Lưu lượng thiết kế P=1%	m ³ /s	302,00	614,00
-	Lưu lượng kiểm tra P=0,2%	m ³ /s		718,00
-	Lưu lượng xả lũ P=5%	m ³ /s		227,00
-	Cao trình ngưỡng tràn xả mặt	m	+662,00	+660,00
-	Kích thước cửa tràn	m	3x6x8	3x5x9,25
4	Công xả sâu			
-	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	182,00	Không xây dựng
-	Cao trình ngưỡng công xả sâu	m	653,00	
-	Kích thước công xả sâu	m	2x3x3	
-	Hình thức cửa công xả sâu		Cửa van cung	
5	Công lấy nước			
-	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	1,65	0,40
-	Cao trình ngưỡng công	m	+647,20	+647,20
-	Kích thước công	m	1,5x1,5	Φ0,60
6	Công xả hạ lưu			
-	Lưu lượng xả lớn nhất	m ³ /s		30,89
-	Lưu lượng xả cấp nước	m ³ /s		0,97
-	Cao trình ngưỡng công	m	+645,10	+647,20
-	Kích thước công	m	1,5x1,5	1,5x1,8